

II- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DẬN, VÌ NHÂN DÂN

1. Nhà nước dân chủ

a) *Bản chất giai cấp của Nhà nước*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam là nhà nước dân chủ, nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “nhà nước toàn dân”, hiểu theo nghĩa là nhà nước phi giai cấp. Nhà nước ở đâu và bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. *Nhà nước Việt Nam mới - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa¹, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân.* Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam thể hiện trên mấy phương diện:

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vị trí và vai trò cầm quyền. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Ngay trong quan điểm về nhà nước dân chủ, nhà nước do nhân dân là người chủ nắm chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh công - nông - trí, do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng cầm quyền bằng các phương thức: (1) Bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành

1. Nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

pháp luật, chính sách, kế hoạch; (2) Bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước; (3) Bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước. Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cách mạng nhất quán của Hồ Chí Minh. Việc giành lấy chính quyền, lập nên Nhà nước Việt Nam mới chính là để giai cấp công nhân và nhân dân lao động có được một tổ chức mạnh mẽ nhằm thực hiện mục tiêu nói trên.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến cả hai mặt dân chủ và tập trung trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước. Người nhấn mạnh đến sự cần thiết phải phát huy cao độ dân chủ, đồng thời cũng nhấn mạnh phải phát huy cao độ tập trung, Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Trong Nhà nước Việt Nam, *bản chất giai cấp công nhân thống nhất* với *tính nhân dân và tính dân tộc*. Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Trong tư tưởng của Người về Nhà nước mới ở Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:

Một là, Nhà nước mới ở Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc. Từ giữa thế kỷ XIX, khi đất nước bị ngoại xâm, các tầng lớp nhân dân Việt Nam, hết thế hệ này đến thế hệ khác đã không quản hy sinh, xương máu chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với chiến lược đại đoàn kết đúng đắn, sức mạnh của toàn dân tộc đã được tập hợp và phát huy cao độ, chiến thắng ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Nhà nước Việt Nam mới, do vậy, không phải của riêng giai cấp, tầng lớp nào, mà là thuộc về nhân dân.

Hai là, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Nhà nước Việt Nam mới là người đại diện, bảo vệ, đấu tranh không chỉ cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Ba là, Nhà nước mới ở Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó là tổ chức nhân dân

tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đi đến chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định, cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước.

b) Nhà nước của nhân dân

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nhà nước của nhân dân là nhà nước mà tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Người khẳng định: “Trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là *của nhân dân*”¹. Nhà nước của dân tức là “dân là chủ”. Nguyên lý “dân là chủ” khẳng định địa vị chủ thể tối cao của mọi quyền lực là nhân dân.

Trong nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hành dân chủ trực tiếp, bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.262.

Cùng với dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp hay dân chủ đại diện là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:

- *Quyền lực nhà nước là “thửa ủy quyền” của nhân dân*. Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác. Do vậy, các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ “đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”¹. Ở đây, Hồ Chí Minh đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa nhân dân với cán bộ nhà nước trên cơ sở nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Theo Hồ Chí Minh: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này ủy viên khác là làm gì? Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”²; “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đày tớ cho dân”³. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán những cán bộ nhà nước

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.64-65.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.572.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.434.

thoái hóa, biến chất, từ chỗ là công bộc của dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cậy thế” với dân, “quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”.

- *Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên*. Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của Hồ Chí Minh nhằm bảo đảm cho mọi quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước, luôn nằm trong tay dân chúng. Một nhà nước thật sự của dân, theo Hồ Chí Minh, luôn “mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm trọn nhiệm vụ của mình là: người dày tớ trung thành tận tụy của nhân dân”¹. Trong Nhà nước đó, “nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”², thậm chí, “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”³.

- *Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân*. Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong Nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của nhà nước theo các chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của dân chúng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.81.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.375.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.75.

Luật pháp đó là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

c) *Nhà nước do nhân dân*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước do nhân dân trước hết là nhà nước do nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân “củ ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết, v.v..

Nhà nước do nhân dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. “Dân là chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, còn “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là người chủ. Hồ Chí Minh khẳng định rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ. Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”¹. Nhân dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc, v.v..

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.258.

Trong nhà nước do nhân dân làm chủ, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực hiện những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước do nhân dân cần coi trọng việc giáo dục nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”¹. Nhà nước do nhân dân không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của nhân dân, cũng không chỉ đưa nhân dân tham gia công việc nhà nước, mà còn chuẩn bị và động viên nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ, quan điểm đó thể hiện tư tưởng dân chủ triệt để của Hồ Chí Minh khi nói về nhà nước do nhân dân.

d) Nhà nước vì nhân dân

Nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần, kiệm, liêm, chính. Hồ Chí Minh là một vị Chủ tịch vì dân và Người yêu cầu các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước đều phải vì nhân dân phục vụ. Người nói: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.527.

mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”¹. Theo Hồ Chí Minh, thước đo một Nhà nước vì dân là phải được lòng dân. Hồ Chí Minh đặt vấn đề với cán bộ Nhà nước phải “làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu”, đồng thời chỉ rõ: “muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư”². Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là dày tố, nhưng đồng thời phải vừa là người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở người cán bộ nhà nước vì dân. Là người dày tố thì phải trung thành, tận tụy, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải gồm đủ cả đức và tài, phải vừa hiền lại vừa minh. Phải như thế thì mới có thể “chẳng những làm những việc trực tiếp lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua *nhu là hại đến dân*”³, nhưng thực chất là vì lợi ích toàn cục, vì lợi ích lâu dài của nhân dân.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.21, 52.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.285.

2. Nhà nước pháp quyền

a) Nhà nước hợp hiến, hợp pháp

Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội. Điều này thể hiện trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* của nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp do Người thay mặt nhóm gửi đến Hội nghị Vécxây (Pháp) năm 1919. Bản Yêu sách nêu ra yêu cầu “cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách làm cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *bảo đảm về mặt pháp luật* như người Âu châu; xoá bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam... Thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”¹.

Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc bảo đảm cho Nhà nước được tổ chức và vận hành phù hợp với pháp luật, đồng thời, căn cứ vào pháp luật để điều hành xã hội, làm cho tinh thần pháp quyền thẩm sâu và điều chỉnh mọi quan hệ và hoạt động trong Nhà nước và xã hội.

Chính vì thế, chỉ một ngày sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.441.

(ngày 3/9/1945), Hồ Chí Minh đã đề nghị: “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu”¹ để lập nên Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy hợp hiến, thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân, như vậy thì nước ta mới có cơ sở pháp lý vững chắc để làm việc với quân Đồng minh, mới có quan hệ quốc tế bình đẳng, mới thiết lập được một cơ chế quyền lực hợp pháp theo đúng thông lệ của một Nhà nước pháp quyền hiện đại.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6/1/1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam Á, mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo... đều có quyền bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình tham gia Quốc hội. Ngày 2/3/1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.7.

b) Nhà nước thượng tôn pháp luật

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng Hiến pháp và bằng pháp luật nói chung. Muốn vậy, trước hết, cần làm tốt công tác lập pháp. Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng hệ thống luật pháp dân chủ, hiện đại. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần tham gia vào quá trình lãnh đạo soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959), đã ký lệnh công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh trong đó có 243 sắc lệnh quy định về tổ chức Nhà nước và pháp luật, và nhiều văn bản dưới luật khác. Trong bối cảnh đất nước phải vừa kháng chiến, vừa kiến quốc vô cùng khó khăn, sự ra đời của hệ thống luật pháp như trên thể hiện rất rõ nỗ lực của Hồ Chí Minh và Nhà nước Việt Nam trong công tác lập pháp.

Cùng với công tác lập pháp, Hồ Chí Minh còn *chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, bảo đảm cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật*.

Hồ Chí Minh chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng luật của người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong nhân dân. Pháp luật là công cụ quyền lực của nhân dân, vì thế điều quan trọng là phải “*làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám*

*nói, dám làm*¹. Người cho rằng, công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền, bảo đảm mọi quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống. Việc thực thi pháp luật có quan hệ rất lớn đến trình độ dân trí của nhân dân, vì vậy, Hồ Chí Minh chú trọng đến vấn đề nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức chính trị trong việc tham gia công việc của chính quyền các cấp.

Hồ Chí Minh luôn *nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật*. Người tuyên bố: “Pháp luật Việt Nam tuy khoan hồng với những người biết cải tà quy chính, nhưng sẽ thẳng tay trừng trị những tên Việt gian đầu sỏ đã bán nước buôn dân”². Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và phải đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thật sự công tâm và nghiêm minh, v.v.. Người phê phán những hiện tượng thể hiện tính thiếu nghiêm minh của pháp luật, như: “thuởng có khi quá rộng, mà phạt thì không nghiêm”³, lẩn lộn giữa công và tội.

Hồ Chí Minh luôn luôn *khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Nhà nước, giám sát quá trình Nhà nước thực thi pháp luật*, đồng thời không ngừng nhắc

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.293, 225.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.49.

nhở cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp. Trong thư gửi Hội nghị Tư pháp toàn quốc, Người viết: “Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lê tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” cho nhân dân noi theo”¹. Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Người tự giác khép mình vào kỷ luật, vào việc gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh.

c) Pháp quyền nhân nghĩa

“Pháp quyền nhân nghĩa” tức là Nhà nước phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích của mọi người. Tiếp thu và vận dụng sáng tạo các lý thuyết hiện đại về quyền con người, Hồ Chí Minh tiếp cận quyền con người một cách toàn diện. Người đề cập đến các quyền tự nhiên của con người, trong đó quyền cao nhất là quyền sống cũng như các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Người chú trọng quyền của công dân nói chung, đồng thời cũng chú trọng đến quyền của những nhóm người cụ thể như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, v.v.. Sự nghiệp cách mạng chân chính

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.473.

cần đấu tranh cho quyền con người. Vì thế, mục tiêu giải phóng con người, làm cho mọi người có được cuộc sống hạnh phúc, tự do, xứng với phẩm giá con người, được hưởng dụng các quyền con người một cách đầy đủ nhất đã hòa quyện một cách hữu cơ và trở thành mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời và luôn nhất quán quan điểm kiên quyết đấu tranh cho quyền con người. Hiến pháp của đất nước đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở Việt Nam. Đây là nền tảng pháp lý để bảo vệ và thực thi các quyền con người đó một cách triệt để.

Trong pháp quyền nhân nghĩa, *pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện*. Ngay khi thành lập, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lập tức tuyên bố xoá bỏ mọi luật pháp hà khắc của chính quyền thực dân phản động. Tính nhân văn của hệ thống luật pháp thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người, ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng, tuyệt đối chống đối xử với con người một cách dã man. Ngay cả đối với những kẻ phản bội Tổ quốc, Hồ Chí Minh tuyên bố rõ: “Chính phủ Việt Nam sẽ tha thứ hay trừng trị họ theo luật pháp tùy theo thái độ của họ hiện nay và về sau. Nhưng sẽ không có ai bị tàn sát”¹. Đặc biệt, hệ thống luật pháp đó có tính khuyến

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.437.

thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hóa, thức tỉnh con người làm căn bản. Với Hồ Chí Minh, việc xây dựng và thi hành pháp luật phải dựa trên nền tảng đạo đức của xã hội và các giá trị đạo đức thấm sâu vào trong mọi quy định của pháp luật. Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

a) Kiểm soát quyền lực nhà nước

Để giữ vững bản chất của Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước hoạt động có hiệu quả, phòng chống thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ nhà nước, Hồ Chí Minh rất chú trọng vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, *kiểm soát quyền lực nhà nước là tất yếu*. Các cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước, dù ít hay nhiều đều nắm giữ quyền lực trong tay. Quyền lực này là do nhân dân ủy thác cho. Tuy nhiên, một khi đã nắm giữ quyền lực, cơ quan nhà nước hay cán bộ nhà nước đều có thể trở nên lạm quyền. Người chỉ rõ: “dân ghét các ông chủ tịch, các ông ủy viên vì cái tật ngông nghênh, cậy thế, cậy quyền. Những ông này không hiểu nhiệm vụ và chính sách của Việt Minh, nên khi nắm được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng”¹. Vì thế,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.51.

để bảo đảm tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân, cần kiểm soát quyền lực nhà nước.

Về hình thức kiểm soát quyền lực nhà nước, theo Hồ Chí Minh, trước hết, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc, là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, chính vì vậy, Đảng có quyền và có trách nhiệm kiểm soát quyền lực nhà nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm trọn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân”¹. Để kiểm soát có kết quả tốt, theo Hồ Chí Minh, cần có hai điều kiện là việc kiểm soát phải có hệ thống và người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Người còn nêu rõ hai cách kiểm soát là từ trên xuống và từ dưới lên. Người nhấn mạnh, phải “khéo kiểm soát”.

Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước dựa trên cách thức tổ chức bộ máy nhà nước và việc phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước bước

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.362.

đầu cũng đã được Hồ Chí Minh đề cập. Hiến pháp năm 1946 ghi rõ một số hình thức kiểm soát bên trong Nhà nước, trong đó nổi bật là kiểm soát của Nghị viện nhân dân đối với Chính phủ, chẳng hạn, Nghị viện nhân dân có quyền “Kiểm soát và phê bình Chính phủ”, “Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức”, v.v..

Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, vì thế, nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực nhà nước. Đây là hình thức được Hồ Chí Minh đề cập rất cụ thể. Người nhấn mạnh: “Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”¹. Đảng cầm quyền cần chú ý phát huy vai trò kiểm soát quyền lực của nhân dân, bởi so với số nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu, hàng trăm người dân mới có một đảng viên. Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết. Đối với Nhà nước, là công bộc của dân, “mọi công tác phải dựa hẳn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra”².

b) *Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước*

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam, Hồ Chí Minh thường nói đến những tiêu cực sau đây để nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.325.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.507.

Một là, đặc quyền, đặc lợi. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vơ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

Hai là, tham ô, lãng phí, quan liêu. Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng”, thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Người thường phê bình những người “lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức”¹. Quan điểm của Hồ Chí Minh là: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mạt thám”². Ngày 27/11/1946, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26/1/1946, Hồ Chí Minh ký lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp đến mức cao nhất là tử hình.

Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt. Bản thân Người luôn làm gương, tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống và công việc hằng ngày. Người quý trọng từng đồng tiền, bát gạo do dân đóng góp cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Lãng phí ở đây được

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.65.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.357-358.

Hồ Chí Minh xác định là lãng phí sức lao động, lãng phí thời gian, lãng phí tiền của. Chống lãng phí là biện pháp để tiết kiệm, là quốc sách của mọi quốc gia.

Bệnh quan liêu không những có ở cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện mà còn có ngay ở cả cấp cơ sở. Hồ Chí Minh phê bình những người và các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đi sâu từng vấn đề. Bệnh quan liêu làm cho chúng ta chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, *chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn...* thành thủ có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... Thế là *bệnh quan liêu* đã ấp ú, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, đây là bệnh gốc sinh ra các bệnh tham ô, lãng phí; muốn trừ sạch bệnh tham ô, lãng phí thì trước hết phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

“*Tư túng*”, “*chia rẽ*”, “*kiêu ngạo*” là những căn bệnh gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè, béo cánh, bà con, bạn hữu mình không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Trong chính quyền, hiện tượng gây mất đoàn kết, không biết cách làm cho mọi người hoà thuận với nhau còn tồn tại, còn có người “bệnh vực lợp này, chống lại lợp khác”. Ngoài bệnh cậy thế, có người còn kiêu ngạo, tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ

là thần thánh rồi cử chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng”, làm mất uy tín của Chính phủ¹.

Để tìm ra biện pháp phòng, chống tiêu cực trong bộ máy nhà nước, Hồ Chí Minh đã dày công luận giải nguyên nhân nảy sinh tiêu cực. Những nguyên nhân này được Hồ Chí Minh tiếp cận rất toàn diện. Trước hết là nguyên nhân chủ quan, bắt nguồn từ căn “bệnh mè” là chủ nghĩa cá nhân, từ sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện của bản thân cán bộ. Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khách quan, từ gần đến xa, là do công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước chưa tốt; do cách tổ chức, vận hành trong Đảng, trong Nhà nước, sự phối hợp giữa Đảng với Nhà nước chưa thật sự khoa học, hiệu quả; do trình độ phát triển còn thấp của đời sống xã hội; do tàn dư của những chính sách phản động của chế độ thực dân, phong kiến; do âm mưu chống phá của các lực lượng phản động, v.v.. Các nguyên nhân này không tồn tại biệt lập với nhau, mà có sự kết hợp với nhau, tiến công vào đội ngũ cán bộ. Nếu Đảng và Nhà nước không có biện pháp phòng, chống tốt, không có chính sách bảo vệ cán bộ một cách có hiệu quả, thì nguy cơ mất cán bộ là rất lớn.

Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước là nhiệm vụ hết sức khó khăn. Trong nhiều tác phẩm khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều biện

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.66.

pháp khác nhau. Khái quát lại, có một số biện pháp cơ bản như sau:

Một là, nâng cao trình độ dân chủ trong xã hội, thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là giải pháp căn bản và có ý nghĩa lâu dài.

Hai là, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra phải thường xuyên. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc và tự giác tuân thủ pháp luật, kỷ luật. Đối với những kẻ thoái hóa, biến chất, pháp luật phải “thẳng tay trùng trị”, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Trong Nhà nước “trăm đều phải có thần linh pháp quyền” thì tuyệt nhiên không có bất cứ vùng cấm nào.

Ba là, phạt nghiêm minh, nghiêm khắc, đúng người đúng tội là cần thiết, song việc gì cũng xử phạt thì lại không đúng. Cần coi trọng giáo dục, lấy giáo dục, cảm hóa làm chủ yếu. Chỉ có như vậy mới làm cho cái tốt trong mỗi người được phát huy và cái xấu mất dần đi. Trong giáo dục cán bộ, phải coi trọng giáo dục đạo đức, xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức của người cầm quyền, khơi dậy lương tâm trong mỗi con người. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư””¹.

Bốn là, cán bộ phải đi trước làm gương, cán bộ giữ chức vụ càng cao, trách nhiệm nêu gương càng lớn. Cán

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.127.

bộ, đặc biệt là người đứng đầu, có ý thức nêu gương tu dưỡng đạo đức, chống tiêu cực sẽ có tác động rất mạnh mẽ đến cấp dưới, đến nhân dân, góp phần gây nên những đức tính tốt trong nhân dân. Đây là một nét đặc sắc trong văn hoá chính trị Việt Nam.

Năm là, phải huy động sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước vào cuộc chiến chống lại tiêu cực trong con người, trong xã hội và trong bộ máy nhà nước. Bất kỳ người Việt Nam nào có lòng tự hào, tự tôn dân tộc, thì dù là người dân bình thường, hay cán bộ, đảng viên, thì đều phải có trách nhiệm tu dưỡng và thực hành đạo đức cách mạng.

III- VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh

- *Phải đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn.* Sai một ly thì đi một dặm, đó là tầm quan trọng của đường lối, chủ trương của Đảng. Đường lối, chủ trương phải dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phải vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh của đất nước từng giai đoạn, thời kỳ.

- *Phải tổ chức thực hiện thật tốt đường lối, chủ trương của Đảng.* Phải thể chế hóa và phải biến thành hành động tích cực nhất của tất cả các tổ chức của hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt quan trọng là thực thi